TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2018/LĐ-ST
Ngày: 19-7-2018
V/v tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Kim Triều

2. Bà Phạm Thị Phương Dung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân Quận 1 tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1074/2017/TLST-LĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 về việc: "Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2756/2018/QĐXXST- LĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 3190/2018/QĐST-LĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số A đường M, Ấp L, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Quốc A, trú tại số M, đường U, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 4 năm 2017). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Trương Hoàng V, Luật sư của Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH B

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp 2- Tòa nhà S, số A, đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Thu H, trú tại: Tầng 15, Tháp 2- Tòa nhà S, số A, đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 3 năm 2018). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bà Trương Thị H, Luật sư của Văn phòng Luật sư Trương Thị H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Ông Nguyễn Thanh H- có ông Dương Quốc A đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 01/01/2011, ông Nguyễn Thanh H ký với Công ty TNHH B hợp đồng lao động không xác định thời hạn dưới hình thức hợp đồng đại lý thu phí. Theo nội dung hợp đồng, công việc cụ thể của ông H như sau:

- Nhân viên thu phí bảo hiểm cho Công ty TNHH B;
- Thời gian làm việc: 08 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút mỗi ngày;
- Địa điểm làm việc: Trụ sở Công ty TNHH B;
- Tiền lương cơ bản 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng cùng các khoản trợ cấp, tiền thưởng khác theo quy định của Bộ luật Lao động.

Ông H nhận thấy Công ty TNHH B ký hợp đồng số 2011/01-052 (sau đây gọi tắt là hợp đồng số 052) để trốn tránh trách nhiệm với người lao động. Bởi vì, hợp đồng số 052 thỏa mãn các điều kiện của hợp đồng lao động theo quy định Bộ luật Lao động. Căn cứ chứng minh hợp đồng số 052 là hợp đồng lao động vì có những điểm sau đây:

1/ Về mức lương, hình thức trả lương, thời hạn trả lương, phụ cấp và các khoản bổ sung khác:

Tiền lương cơ bản của ông H là 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng. Tiền lương được tính theo tháng, nếu làm việc không đủ tháng chỉ nhận được lương tương ứng số ngày làm việc (Được quy định tại khoản 3.1 mục 3 của Phụ lục 1).

Ngoài khoản tiền lương cố định được nhận hàng tháng, ông H còn nhận được các khoản phụ cấp, tiền thưởng, lễ, tết theo quy định của Luật Lao động (Được quy định tại điểm e khoản 3.1 mục 3 của Phụ lục 1).

Theo quy định của Công ty TNHH B mỗi tháng làm việc 26 ngày công. Tiền lương sẽ được Công ty TNHH B tính theo công thức sau:

- Tiền lương cơ bản mỗi tháng: 3.000.000 (Ba triệu) đồng (**A**)
- Thu nhập từ tỷ lệ thu phí không bằng tiền mặt (**B**)
- Thu nhập từ tổng doanh thu phí tái tục (**C**)
- ***x*** là số ngày công làm việc trong một tháng

Công thức tính lương mỗi tháng như sau:

$$(\mathbf{A} + \mathbf{B} + \mathbf{C}) \times \frac{x}{26} = \textbf{Tổng thu nhập trước thuế}$$

Nếu là hợp đồng đại lý thì sẽ không có các quy định về tiền lương cố định, thưởng tết, chế tài xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, cắt thưởng tết và khi ông H nghỉ làm cũng sẽ không bị trừ lương cho ngày nghỉ đó. Vì vậy, quy định mức lương cơ bản hàng tháng và tính lương theo ngày công làm việc, xử lý kỷ luật lao động là những điều khoản thuộc về hợp đồng lao động. Vì giữa bên giao đại lý và đại lý là hoạt động độc lập, không can thiệp vào cách thức và thời gian làm việc của đại lý.

2/ Về thời giờ và địa điểm làm việc, ngày phép:

Theo quy định làm việc dành cho nhân viên thu phí bảo hiểm của Công ty TNHH B, ông H làm việc tại Công ty TNHH B từ thứ Hai cho đến thứ Bảy hàng tuần, bắt đầu từ 08 giờ 30 phút cho đến 17 giờ 30 phút mỗi ngày.

Ngoài ra,Công ty TNHH B còn quy định về nghỉ phép và số ngày phép nghỉ nhưng vẫn được hưởng lương theo quy định của Bộ luật Lao động. Nội quy Công ty cũng quy định rất rõ nếu nhân viên nghỉ phép phải làm đơn thông báo cho Quản lý duyệt trước ít nhất 03 ngày làm việc trước khi nghỉ phép. Vì vậy, đây là một quy định thuộc sự điều chỉnh của Bộ luật Lao động.

Đối với hợp đồng đại lý thương mại sẽ không quy định về thời giờ làm việc bắt buộc của đại lý trong một ngày, số ngày nghỉ phép được hưởng lương trong một năm. Đại lý sẽ tự quyết định thời gian làm việc để hoàn thành nhiệm vụ và hưởng chênh lệch, hoa hồng cho công việc thực hiện. Đối với hợp đồng số 052 Công ty TNHH B quy định chi tiết về thời giờ làm việc mỗi ngày, nơi làm việc. Nếu ông H không đi làm đúng giờ theo quy định của Công ty sẽ bị xem là nghỉ việc ngày đó, trừ lương và phải chịu xử lý vi phạm nội quy của Công ty. Vì vậy, Công ty TNHH B quy định thời giờ và địa điểm làm việc bắt buộc, ngày phép thực chất là một điều khoản được quy định bởi hợp đồng lao động và chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Lao động.

3/ Về phúc lợi:

Công ty TNHH B mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người lao động và cho khám sức khỏe định kỳ hàng năm (Được quy định tại điểm 4.2 Phụ lục 1). Đối với các chế độ trên chỉ hợp đồng lao động quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp phải hỗ trợ cho người lao động được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm xã hội. Vì vậy, những phúc lợi của Công ty TNHH B dành cho người lao động là một quy định của hợp đồng lao động. Nhưng vì để trốn tránh trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động Công ty TNHH B đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết về pháp luật của người lao động, lách luật bằng cách ký hợp đồng lao động dưới hình thức là hợp đồng đại lý thu phí.

Về việc chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

Ngày 19/01/2017, ông H nhận được thông báo TER/2017-01-02 về việc Công ty TNHH B đơn phương chấm dứt hợp đồng và cũng không đưa ra lý do vì sao chấm dứt hợp đồng lao động. Theo điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Lao động quy định thời hạn báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động là 45 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn. Tuy nhiên, ngày 19/01/2017 Công ty TNHH B ra thông báo chấm dứt hợp đồng và buộc ông H không được làm việc kể từ ngày ra thông báo. Hành vi trên của Công ty TNHH B đã vi phạm về thời gian báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi, thu nhập của ông H.

Từ những phân tích trên, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH B nhận ông Nguyễn Thanh H trở lại làm việc vì căn cứ theo Điều 15 và Điều 23 của Bộ luật Lao động, ông H khẳng định hợp đồng đại lý thu phí số 2011/01-052 là hợp đồng lao động;
- Buộc Công ty TNHH B bồi thường tiền lương trong khoảng thời gian Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ tháng 02/2017 cho đến khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật;
- Buộc Công ty TNHH B thanh toán tiền Bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2007 đến tháng 01/2017 theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội là 39.895.800 (Ba mươi chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm) đồng.

Nguyên đơn đã giao nộp tài liệu, chứng cứ sau:

- Bản sao: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông Nguyễn Thanh H;

- Bản chính giấy ủy quyền ngày 07/4/2017 lập tại Văn phòng Công chứng S, số công chứng 007644;

- Bản sao hợp đồng đại lý thu phí số 2011/01-052 + phụ lục 1 các khoản thù lao đại lý thu phí bảo hiểm;

- Bản sao thông báo số TER/2017-01-02 ngày 19/01/2017 về việc Công ty TNHH B chấm dứt hợp đồng;

- Bản photo tiền hoa hồng tư vấn dịch vụ tái tục các tháng: 8/2016, 9/2016, 10/2016, 11/2016, 12/2016, 01/2017;

- Bản photo quy định làm việc dành cho tư vấn dịch vụ tái tục;

- Bản photo thông báo ngày 16/12/2015 về thông báo chương trình tính hoa hồng thu phí tái tục năm 2016;

- Bản chính biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 17/5/2017.

** Bị đơn - Công ty TNHH B, có bà Phạm Thị Thu H đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Về vấn đề ông H cho rằng ông được trả lương cố định 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng:

Khoản tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng là khoản hỗ trợ phục vụ khách hàng dành cho đại lý thu phí bên cạnh hoa hồng trả cho đại lý, không phải là tiền lương. Khoản này là một trong các khoản theo danh mục chi hỗ trợ đại lý được pháp luật cho phép và được khấu trừ thuế theo quy định của Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp, nên việc ông H cho rằng số tiền hỗ trợ này là tiền lương là lập luận không phù hợp.

Các khoản tiền mà Công ty TNHH B chi trả cho việc ông H thực hiện dịch vụ đại lý thu phí bảo hiểm bao gồm các khoản sau:

1/ Phí phục vụ khách hàng: Tùy thuộc vào từng thời điểm mà Công ty TNHH B sẽ có mức phí phục vụ khách hàng khác nhau. Vào thời điểm ký hợp đồng đại lý thu phí số 2011/01-052, Công ty TNHH B áp dụng mức phí phục vụ khách hàng trên cơ sở số lượng hợp đồng phân bổ cho đại lý thu phí. Tuy nhiên, hiện tại mức phí phục vụ khách hàng hay còn gọi là khoản hỗ trợ đảm bảo phục vụ khách hàng này đã được Công ty TNHH B cố định là 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng. Khoản tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng này được xác định trên cơ sở đại lý hoạt động đủ 26 ngày trên mỗi tháng nhằm khuyến khích đại lý hoạt động thường xuyên. Do đó, khi đại lý không hoạt động thường xuyên, Công ty TNHH B phải trừ lại phí dịch vụ của những ngày không hoạt động.

Sở dĩ Công ty TNHH B trả cho đại lý mức phí dịch vụ cố định này là vì muốn duy trì hợp đồng đại lý lâu dài với đại lý thu phí do việc tìm kiếm đại lý thu phí cũng mất nhiều thời gian, trong khi các đối tác cạnh tranh của Công ty TNHH B cũng muốn lôi kéo các đại lý thu phí.

2/ Hoa hồng đại lý trên số lượng hợp đồng bảo hiểm thu phí được: Phụ thuộc vào số lượng các hợp đồng bảo hiểm thu được phí bảo hiểm mà Công ty TNHH B có mức chi trả khác nhau.

3/ Hoa hồng đại lý trên số lượng hợp đồng bảo hiểm mà khách hàng đóng phí bảo hiểm qua bưu điện hoặc ngân hàng. Nếu như khách hàng thuộc phân bổ của đại lý thu phí đóng phí qua bưu điện hoặc ngân hàng, Công ty TNHH B sẽ trả phí trên số giao dịch. Tại thời điểm ngày 01/01/2011, Công ty TNHH B tính 5.000 đồng/giao dịch.

4/ Hoa hồng đại lý trên số phí bảo hiểm thu được từ khách hàng.

Công ty TNHH B khẳng định các khoản thanh toán trên là phù hợp với quy định tại Điều 22 của Nghị định 45/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007 hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Điều 19 của Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30/7/2012 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm. Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định 45/2007/NĐ-CP còn có quy định công ty bảo hiểm không được trả hoa hồng cho nhân viên của mình nên sẽ không có việc ông H là người lao động của Công ty TNHH B vì ông H thực hiện công việc của đại lý và nhận hoa hồng đại lý từ Công ty TNHH B.

Về thời giờ và địa điểm làm việc, ông H cho rằng ông H làm việc với thời gian cố định mà đại lý thì không phải làm việc theo giờ giấc cố định. Về vấn đề

này, việc so sánh trên là không hợp lý. Do Công ty TNHH B phân chia lực lượng đại lý thành hai lực lượng, một lực lượng đại lý tiến hành việc giới thiệu, chào bán và thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm và một lực lượng đại lý còn lại gọi là đại lý thu phí tái tục như ông H tiến hành việc thu phí bảo hiểm tái tục (phí bảo hiểm từ năm hợp đồng thứ hai) từ khách hàng. Để thực hiện được công việc thu phí, đại lý thu phí cần tạo được lòng tin của khách hàng bằng cách gọi từ số điện thoại của Công ty TNHH B. Do đó, ông H phải đến văn phòng của Công ty TNHH B để thực hiện các cuộc gọi. Mặt khác, do tính chất của hoạt động thu phí bảo hiểm, hàng ngày Công ty TNHH B đều phát phiếu thu (gồm có 03 liên: 01 liên dành cho khách hàng, 02 liên cho Công ty) để ông H đi thu phí bảo hiểm, sau khi thu phí bảo hiểm, ông H phải nộp về cho Công ty 02 liên phiếu thu và tất cả phiếu thu không thu được phí bảo hiểm từ khách hàng. Do đó, việc Công ty quy định địa điểm làm việc với ông H là cần thiết và phù hợp với công việc đại lý thu phí. Việc quy định thời giờ, địa điểm làm việc cho đại lý cũng đã được thị trường bảo hiểm nói riêng và cả thị trường nói chung áp dụng nhằm quản lý đội ngũ đại lý của mình hoạt động hiệu quả cho nên dựa vào yếu tố này để cho rằng đây là hợp đồng lao động là không phù hợp.

Về phúc lợi, ông H cho rằng ông được Công ty TNHH B mua bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm y tế. Việc mua bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm y tế cho đại lý thu phí là một khoản hỗ trợ cho đại lý (tương tự khoản chi hỗ trợ đại lý) vì đại lý phải thường xuyên di chuyển để thu phí. Đây cũng là một chính sách dành cho đại lý để khuyến khích đại lý tiến hành công việc được ủy quyền hiệu quả hơn. Cho nên việc dựa vào các khoản hỗ trợ đại lý này để cho rằng hợp đồng ông H đã ký với Công ty TNHH B là hợp đồng lao động là không đúng.

Về nhận định Công ty TNHH B chấm dứt hợp đồng trái pháp luật:

Theo quy định của hợp đồng đại lý, Công ty TNHH B có thể chấm dứt hợp đồng đại lý bằng cách báo trước một thời hạn là 30 ngày. Ngày 19/01/2017, Công ty TNHH B đã gửi thông báo cho ông H để chấm dứt hợp đồng đại lý. Trên thông báo ngày 19/01/2017, ông H xác nhận đã nhận thông báo chấm dứt. Theo đơn khởi kiện, ông H cũng thừa nhận là ngày 19/01/2017, Công ty TNHH B đã gửi thông báo chấm dứt để chấm dứt hợp đồng đại lý. Xét thấy việc chấm dứt hợp đồng này là phù hợp với quy định của hợp đồng do hai bên đã tự nguyện thỏa , không trái v

ông H nhận định Công ty TNHH B chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là không có căn cứ.

Việc ông H cho rằng hợp đồng đại lý đã ký với Công ty TNHH B là hợp đồng lao động là nhận định không có căn cứ vì hợp đồng này là hợp đồng đại lý được xác lập phù hợp với quy định tại Điều 84 và Điều 85 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm;

Theo đó, Công ty TNHH B ủy quyền cho ông H là đại lý để thực hiện một trong những công việc của đại lý bảo hiểm là thu phí bảo hiểm của khách hàng. Việc ông H là đại lý bảo hiểm của Công ty TNHH B còn được xác nhận bởi

Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam theo công văn số 031/HHBH/2017 ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Hiệp hội Bảo hiểm với mã số đại lý bảo hiểm 000000000266459.

Công ty TNHH B khẳng định với những căn cứ xác thực và phù hợp với quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm hiện hành, hợp đồng mà Công ty TNHH B đã ký với ông H là hợp đồng đại lý và Công ty TNHH B không đồng ý với bất kỳ yêu cầu nào được ông H đưa ra và xác định hợp đồng đại lý thu phí số 2011/01-052 giữa Công ty TNHH B ký kết với ông H không phải là hợp đồng lao động.

Bị đơn- Công ty TNHH B giao nộp tài liệu, chứng cứ sau:

- Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động số 16/GP/KDBH của Công ty TNHH B ;

- Bản sao giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC2/KDBH của Công ty TNHH B ;

- Bản sao công văn số 10833 ngày 07/8/2015 của Bộ Tài chính về việc thay đổi Tổng giám đốc;

- Bản sao công văn số 10489 ngày 08/8/2017 của Bộ Tài chính về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính;

- Bản photo thông báo ngày 21/4/2016 về cập nhật chương trình tính hoa hồng thu phí tái tục năm 2016;

- Bản sao phiếu thu do ông H ký tên là người thu tiền đối với các khách hàng;

- Bản sao công văn số 031/HHBH/2017 ngày 22/02/2017.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử…được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm…

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu Tòa án:

+ Buộc Công ty TNHH B nhận ông Nguyễn Thanh H trở lại làm việc;

+ Buộc Công ty TNHH B bồi thường tiền lương trong khoảng thời gian Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ tháng 02/2017 cho đến khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật;

+ Buộc Công ty TNHH B thanh toán tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2007 đến tháng 01/2017 theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội là 39.895.800 (Ba mươi chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H và Công ty TNHH B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về pháp luật tố tụng:*

Ngày 01 tháng 01 năm 2011, giữa ông Nguyễn Thanh H và Công ty TNHH B xác lập hợp đồng đại lý thu phí số 2011/01-052. Ngày 19 tháng 01 năm 2017, Công ty TNHH B ra thông báo số TER/2017-01-02 về việc về việc chấm dứt hợp đồng đại lý thu phí với ông H. Do ông H không đồng ý với việc chấm dứt hợp đồng của Công ty TNHH B nên phát sinh tranh chấp. Công ty TNHH B là bị đơn, có trụ sở tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[2]. *Về pháp luật nội dung*:

- *Xét các yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H về việc:*

+ Buộc Công ty TNHH B nhận ông H trở lại làm việc vì căn cứ theo Điều 15 và Điều 23 của Bộ luật Lao động, ông H khẳng định hợp đồng đại lý thu phí số 2011/01-052 là hợp đồng lao động;

+ Buộc Công ty TNHH B bồi thường tiền lương trong khoảng thời gian Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ tháng 02/2017 cho đến khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật;

+ Buộc Công ty TNHH B thanh toán tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2007 đến tháng 01/2017 theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội là 39.895.800 (Ba mươi chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm) đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 01 tháng 01 năm 2011, giữa ông Nguyễn Thanh H và Công ty TNHH B (Sau đây gọi tắt là Công ty) xác lập hợp đồng đại lý thu phí số 2011/01-052 (Sau đây gọi tắt là hợp đồng 052). Nội dung: Công ty ủy quyền cho đại lý thu phí (Ông H) nhân danh Công ty thực hiện việc thu phí bảo hiểm và cung cấp các dịch vụ khác do Công ty yêu cầu cho khách hàng của Công ty, ngoài ra các bên còn thỏa thuận các điều khoản về hoa hồng thu phí, giấy ủy quyền, tuân thủ quy định, giấy cam kết và quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng, quản lý tài sản và chứng từ, chấm dứt hợp đồng và các điều khoản khác. Ông H và Công ty còn ký thêm Phụ lục 1 thỏa thuận về các khoản thù lao đại lý thu phí bảo hiểm, về trách nhiệm chính, thù lao và phúc lợi, thưởng duy trì hợp đồng, thưởng tết, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ hàng năm…

Ông H đã được cấp Chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm và được Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam xác nhận là đại lý bảo hiểm của Công ty TNHH B Việt Nam với mã số đại lý bảo hiểm: 000000000266459 trên hệ thống AVICAD (Hệ thống thông tin chung về việc quản lý và sử dụng đại lý bảo hiểm giữa các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thuộc Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam). Ông H đã thực hiện công việc của mình với tư cách là đại lý bảo hiểm của Công ty cho đến khi Công ty thông báo chấm dứt hợp đồng đại lý thu phí.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Các thỏa thuận giữa ông H và Công ty là tự nguyện, phù hợp các quy định tại Điều 84, 85, 86, 87 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000, nên hợp đồng 052 mà các bên ký kết là hợp đồng đại lý bảo hiểm.

Tại Điều 1.4 của hợp đồng đại lý thu phí xác định rõ: "Đại lý thu phí đồng ý và xác nhận rằng không có bất kỳ quy định nào của Hợp đồng này được hiểu một cách rõ ràng hay ám chỉ hoặc diễn giải là tạo nên mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động trong quan hệ giữa Công ty và Đại lý thu phí". Như vậy, giữa ông H và Công ty không có quan hệ lao động.

Việc các bên thỏa thuận thêm về các điều khoản: Thời giờ làm việc, địa điểm làm việc, ngày phép, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm y tế…nhằm quản lý và hỗ trợ đội ngũ đại lý của Công ty, không vi phạm điều cấm của pháp luật.

Vì vậy:

Không có cơ sở xác định hợp đồng 052 là hợp đồng lao động không xác định thời hạn như ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Có cơ sở chấp nhận ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc xác định hợp đồng 052 không phải là hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Các yêu cầu của ông H về việc yêu cầu Tòa án:

- Buộc Công ty TNHH B nhận ông Nguyễn Thanh H trở lại làm việc;

- Buộc Công ty TNHH B bồi thường tiền lương trong khoảng thời gian Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ tháng 02/2017 cho đến khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật;

- Buộc Công ty TNHH B thanh toán tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2007 đến tháng 01/2017 theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội là 39.895.800 (Ba mươi chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm) đồng.

là không có cơ sở chấp nhận.

Do ông H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ: "Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động", không yêu cầu giải quyết quan hệ: "Tranh chấp về hợp đồng đại lý" nên Hội đồng xét xử không xem xét về trường hợp chấm dứt hợp đồng đại lý thu phí số 2011/01-052 ngày 01/01/2011.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 87 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000;

Căn cứ vào Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu Tòa án:

+ Buộc Công ty TNHH B nhận ông Nguyễn Thanh H trở lại làm việc;

+ Buộc Công ty TNHH B bồi thường tiền lương trong khoảng thời gian Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ tháng 02/2017 cho đến khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật;

+ Buộc Công ty TNHH B thanh toán tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2007 đến tháng 01/2017 theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội là 39.895.800 (Ba mươi chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H và Công ty TNHH B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tĩnh